

THÀNH LÔI Ở HUẾ

NGÔ VĂN DOANH*

Những thành cổ của nước Chăm Pa xưa hiện còn dấu tích trên dải đất miền Trung nước ta được dân gian gọi là Thành Lôi còn khá nhiều. Thành Lôi ở Quảng Bình và Thành Lôi ở Huế, như những Thành Lôi khác ở miền Trung, là thành cổ Chăm Pa. Về điều này, các sử liệu Việt Nam đã nói tới. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Thành cũ Chiêm Thành: ở xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy. Tương truyền chúa Chiêm Thành ở đây, gọi là thành Phật Thệ, tục gọi Thành Lôi, khoảng đời Minh Mệnh lập miếu ở đây để thờ" (1). Hiện nay, xét theo bản đồ địa chính, Thành Lôi nằm trên địa phận hai xã Thủy Xuân và Thủy Biền và một phần của phường Đúc thuộc thành phố Huế (cách trung tâm thành phố Huế khoảng 7km về phía Tây). Mặc dầu thuộc ba đơn vị hành chính khác nhau (hai xã, một phường) nhưng toàn bộ Thành Lôi nằm ở đồi Long Thọ Cương, bên tả ngạn sông Hương. Đồi Long Thọ Cương xưa có tên là gò Long Thọ và được đánh giá là có một vị trí địa lý quan trọng và linh thiêng. Các sử gia triều Nguyễn đã mô tả và ca tụng địa điểm gò Long Thọ như sau: "Gò Long Thọ ở phía Tây Bắc huyện Hương Thủy, phía Bắc kề sông Hương, chênh chênh đối với gò Thiên Mụ, khoá giữ thượng lưu sông Hương, nhà địa lý gọi kiểu "thiên quan địa trực" (của trời trực đất), tức là đây; trên gò có đình bát giác dựng đầu thời Minh Mệnh"

(2). Về ngôi đình bát giác Long Thọ Cương cùng các tên gọi trước đó của địa danh này, sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi rõ: "Đình Long Thọ Cương: ở xã Nguyệt Biều thuộc huyện Hương Thủy..., trước gọi là kho Thọ Khang thượng. Tương truyền trước kia trên gò có nhà, từng rước tử cung Anh tông Nguyễn Phúc Trấn (1687-1691), Hiển tông Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Túc tông Nguyễn Phúc Trú (1725-1738) và Thế tông Nguyễn Phúc Khoát (1738-1756) để tạm ở đấy. Sau trải qua loạn lạc, nhà bị bỏ, đầu niên hiệu Gia Long đổi tên là Thọ Xương; năm Minh Mệnh thứ 5, đổi tên là Long Thọ Cương, dựng nhà bát giác ở trên gò cho tên hiện nay, lại dựng bia ghi việc để lưu thắng tích" (3). Ngoài Đình Long Thọ Cương, sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết ở khu vực Thành Lôi còn có Miếu Quốc vương Chiêm Thành. "Miếu Quốc vương Chiêm Thành: ở xã Nguyệt Biều huyện Hương Thủy, thờ vua Chiêm Thành. Ở xã Nguyệt Biều, xưa có một đoạn thành đất, tương truyền là nền thành cũ của Chiêm Thành, năm Minh Mệnh thứ 14 dựng miếu để thờ, hàng năm tế vào hai tháng trọng xuân và trọng thu" (4).

Giờ đây, cả Đình Long Thọ Cương và Miếu Quốc vương Chiêm Thành đều không còn. Thế nhưng, vẫn còn hai di tích xưa của người Việt nằm trong khu vực Thành Lôi: Điện Voi Ré và Hồ Quỳên. Điện Voi Ré (voi rống) hay đền Long Châu nằm trên một

*TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

thửa đất cao (cách chợ Long Thọ hiện nay chừng 500m và ngay bên hồ sen có tên là Hồ Điện). Đền Long Châu do các ông nài trong đội Kinh tượng (tức các ông quản tượng) chung tiền lập ra dưới thời vua Gia Long (1802-1820) để thờ 15 vị thần bảo hộ cho những con voi chiến. Trong khu đất của đền còn có mộ chôn voi Ré và voi Ô Long. Truyền thuyết dân gian kể rằng: một con voi dưới triều Minh Mệnh đi đánh trận bị thương, chạy về phủ phục trước đền, rống lên mấy tiếng rồi lăn ra chết. Từ đó, voi được mệnh danh là Ré và dân chúng gọi là đền Voi Ré (5). Cách điện Voi Ré không xa, nằm ngay chính giữa Thành Lôi, là Hồ Quyền. Đấu trường Hồ Quyền (nơi diễn ra những trận tử chiến giữa voi và cạp để vua, đình thần và dân chúng đến xem giải trí, đồng thời luyện tập cho voi quen với không khí trận mạc) được xây vào năm Canh Dần (1830) thời vua Minh Mệnh (1820-1840) (6).

Những di tích đã mất hoặc hiện còn cho thấy khu đất toà Thành Lôi có một vị trí tâm linh quan trọng trong lịch sử của Chăm Pa và của người Việt. Không phải không có lý khi các sử gia triều Nguyễn đã dẫn lời các thầy địa lý để gọi thế đất của Thành Lôi là "thiên quan địa trục". Cũng không phải là không có lý do khi các vua triều Nguyễn đã chọn những địa điểm quanh khu vực Thành Lôi để xây dựng các kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng như chùa Thiên Mục, Văn Miếu (ở bờ Bắc sông Hương), lăng Tự Đức, lăng Thiệu Trị, lăng Đồng Khánh và điện Hòn Chén (ở phía Nam), lăng Dục Đức, đàn Nam Giao và núi Ngự Bình (ở phía Đông). Trong các công trình kiến trúc trên, có những kiến trúc được xây trên nền của những công trình thờ tự trước đó của Champa như chùa Thiên Mục, điện Hòn Chén.

Không chỉ người Việt mà đồng bào các dân tộc ở phía Tây Huế (người Tà Ôi, người

Pacoh...) cũng coi vùng đất Thành Lôi là nơi linh thiêng. Theo lời ông H. Parmentier, khi bị bắt đi làm con đường từ Thành Lôi đến Vạn Niên, những người miền núi cho rằng toà thành là của tổ tiên họ. Vì làm con đường, nên ngôi miếu "Quốc vương Chiêm Thành" (mà dân gian gọi là Miếu Mọi) bị phá. Những người miền núi phản ứng dữ dội. Họ kéo đến toà khâm sứ đòi phạt vạ. Và một ngôi đền miếu khác đã được dựng lên cạnh đó. Mặc dầu do triều đình Huế xây, nhưng những người miền núi thường lui tới ngôi miếu Hồi này (miếu Quốc vương Chiêm Thành) cầu khẩn, cho nên miếu mới có tên là Miếu Mọi (7). Khi làm con đường, dấu tích của toà thành còn khá rõ. Bởi vậy mà ông H. Parmentier đã ghi chép và khảo tả được toà thành một cách khá kỹ lưỡng.

Theo mô tả của H. Parmentier, Thành Lôi có bình đồ hơi vuông, mỗi cạnh chừng 500m, chiếm cứ sườn của một ngọn đồi; một bên sườn thoải dài xuống sông Hương, sườn bên kia dốc hơn, bao quát cánh đồng lồi lõm kéo dài tới tận đường cái quan. Ngay từ đầu thế kỷ XX, khi làm công việc khảo tả toà thành, H. Parmentier đã thấy Thành Lôi có một vị trí phòng ngự tốt, vì ở đoạn này, dòng sông Hương chảy đúng theo hướng Tây - Đông rồi bẻ quặt xuôi xuống phía Nam. Chính do đặc điểm của hướng sông chảy và do khuỷu sông làm thành một vị trí phòng ngự tốt nên địa điểm đó đã được chọn lựa để xây toà thành.

Sau khi đã khảo tả khái quát vị thế Thành Lôi, H. Parmentier đã mô tả toà thành một cách cụ thể: "Nếu có chẳng một tường lũy dọc bên, thì lũy đó cũng đã hoàn toàn biến mất vì bị phá hủy hoặc bị nước cuốn. Song bức tường đối diện thì vẫn còn thấy rõ. Ngày nay, nó là một ụ đất lớn, bên ngoài cao 10m, bên trong cao 7m. Cũng giống ở thành Chà Bàn, bên ngoài và bên

trong lũy có đào hào ở chỗ đất nổi cao (đoạn Tây ở mặt Nam). Bên mé Đông, sườn thoải dốc đã được san bằng xuống ngang hào ở mé Tây và con hào cứ tiếp tục chạy như thế sang phía Đông thành một mặt bằng rộng. Trên suốt mặt Nam này, sự bố phòng dựa trên địa hình, trên ụ đất có xây một bức tường không dày lắm (độ 1m) mà ta có thể thấy được dấu vết con đường xẻ qua. Qua dấu vết đó và nhiều mảnh gạch la liệt trên mặt đất, ta biết được tường xây bằng gạch. Ở góc Đông của mặt Nam, bức lũy dường như quặt hẳn về phía Bắc; ở góc Tây thì nó chạy chéo đến một gò cao hơn sông độ vài mét. Dường như bức thành cách sông một con hào. Ở trong góc này, có một cái ao, có lẽ là ao cổ. Vào quãng giữa của mặt nam, một đồng đất đắp tách ra khỏi lũy, nằm theo hướng Bắc Nam với một con hào bên mé Đông, và phân khu thành hai phần không đều nhau" (8).

Gần một thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày H. Parmentier thông báo về toà thành Chăm Pa ở Huế, đã có nhiều đổi thay trên khu đất Thành Lôi xưa. Cũng từ đầu thế kỷ XX đến nay, Thành Lôi ít được các nhà nghiên cứu chú ý tới. Mãi cho đến cuối những năm 80 và trong những năm 90 của thế kỷ XX, Thành Lôi mới lại được một số nhà nghiên cứu Việt Nam đến khảo sát. Đó là đợt khảo sát năm 1987 và 1989 của Giáo sư Trần Quốc Vượng và Vũ Hữu Minh (9). Theo kết quả của đợt khảo sát này, Thành Lôi có kích thước như sau: Lũy Nam dài 550m, lũy Đông 370m, lũy Tây 350m, lũy Bắc 750m. Đợt khảo sát thành Lôi được tiến hành gần đây nhất là vào tháng 4 năm 1999. Người tham gia cuộc khảo sát này là sinh viên Nguyễn Phước Bảo Đàn của Khoa Sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, sau đó đã công bố kết quả đợt khảo sát trong luận văn tốt nghiệp cử nhân sử học

của mình (10). Dưới đây là khảo tả của Nguyễn Phước Bảo Đàn.

Thành Lôi, trên tổng thể được xây dựng tại địa phận làng Dương Xuân Thượng (xã Thuỷ Xuân, huyện Hương Thủy, thuộc vùng đồi Dương Xuân Thượng có độ cao từ 30 - 50m, thoải dần theo trục Nam - Bắc, sát với giới hạn xâm thực của sông Hương. Toà thành có hình gần vuông, các lũy thành nằm đúng theo các hướng Tây-Nam, Đông-Bắc. Lũy thành hướng Tây dài 350m, nơi rộng nhất 12m, nơi hẹp nhất 8,5m, cao 3-3,7m. Phía bên ngoài lũy thành hướng Tây là khe Long Thọ rộng chừng 2,2 - 2,5m, sâu 1,8m, chảy cập sát chân lũy thành và đổ ra sông Hương. Bên trong lũy thành hướng Tây, ở gần góc thành hướng Tây - Bắc, có một hồ nước, nhân dân địa phương gọi là hồ Điện có một khe nước nhỏ chảy cắt ngang lũy thành hướng Tây đổ ra khe Long Thọ. Phía Đông của hồ Điện là khu Hồ Quyền. Bề mặt lũy thành hướng Tây, ở một số nơi dày đặc tre gai và phần lớn được dùng làm đất canh tác.

Lũy thành hướng Nam dài 550m, nơi rộng nhất 14m, nơi hẹp nhất 4,5m, cao trung bình 2,3 - 2,5m ở nửa thành hướng Tây, dọc theo bên trong lũy thành là khu mộ táng, xen lẫn một số khu vườn của nhân dân địa phương. Đoạn thành gần đường Huyền Trân công chúa đã bị san gạt. Trên bề mặt lũy thành, cách góc thành hướng Tây - Nam chừng 150m, có cột mốc bảo vệ di tích do Tổng cục địa chính cắm năm 1997. Bên kia đường Huyền Trân công chúa là nửa thành hướng Đông. Đoạn thành Nam ở phía này bị san gạt nhiều. Bên trong lũy thành, gần góc thành Đông - Nam là nhà máy vôi Thuỷ Long Thọ. Bên ngoài thành phía Nam còn dấu tích một hào nước rộng khoảng 5m nối từ khe Đá tảng đến khe Long Thọ, chảy cập sát chân

lũy thành. Cách lũy thành hướng Nam 50m về phía Bắc, có miếu bà Chăm, nằm trong khu mộ táng. Thế nhưng, toà miếu đã được dời đi nơi khác, thay vào đó là một Đài Phật Địa Tạng cao gần 1,8m.

Lũy thành hướng Đông dài 370m, chạy uốn khúc theo dòng chảy của Khe Đá. Dọc theo lũy thành hướng Đông là khu dân cư, góc thành hướng Đông - Nam là khu mộ táng lớn. Trong khu vực này có miếu Âm Hồn. Ở góc thành hướng Đông - Nam, nhìn ra xa là khu ruộng trũng của nhân dân địa phương.

Lũy thành hướng Bắc dài 750m, sát với giới hạn xâm thực của sông Hương. Khi nước cạn, sông Hương cách lũy thành 50-100m, khi nước cường có thể tiến sát chân lũy. Lũy thành hướng Bắc đã bị san gạt hoàn toàn làm nhà ở dọc theo đường Bùi Thị Xuân từ ga Huế đến Nguyệt Biều. Bên trong lũy có một bầu nước nhỏ. Nước của bầu được dẫn đến từ hồ Điện qua một khu ruộng trũng. Sau đó, nước từ bầu đổ ra sông Hương ở gần nhà thờ Dòng Thánh Tâm (phường Đức).

Cũng theo điều tra của tác giả Nguyễn Phước Bảo Đàn, trong khi đào móng để xây dựng hai nhà máy (nhà máy vôi Thuỷ Long Thọ ở bên trong thành và nhà máy thuốc sát trùng ở bên ngoài thành), một số hiện vật cổ đã được phát hiện như vòng bạc, các mảnh gốm và đá vỡ có khắc chữ. Thế nhưng, do tín ngưỡng của nhân dân địa phương, các hiện vật trên đều được đem chôn lại. Cũng tại góc Đông Bắc (cả bên trong và bên ngoài thành) đã phát hiện được nhiều gạch cổ Chăm Pa và giếng cổ.

Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, Thành Lôi là dấu tích của một toà thành cổ Chăm Pa. Thế nhưng, thật đáng tiếc cho đến nay, không có một tài liệu khảo cổ cũng

như văn bia nào cho chúng ta biết về niên đại cũng như vị trí của toà thành này trong lịch sử Chămpa. Vì vậy, đã có những giả thiết khác nhau về Thành Lôi cũng như về các di tích Chăm Pa ở Huế.

Trước hết, là ý kiến của nhà nghiên cứu người Pháp L. Aurousseau cho rằng: Thành Lôi ở Huế chính là thành Khu Túc của Lâm Ấp (11). Thế nhưng, bằng nhiều cứ liệu khác nhau, năm 1947, nhà nghiên cứu R. A. Stein, tác giả công trình khoa học nổi tiếng *Nước Lâm Ấp* (Le Lin-yi) cho rằng di chỉ này (Khu Túc) phải nằm xa hơn nhiều về phía Bắc, trên bờ Nam sông Gianh, gần cửa khẩu trong miền Cao Lao Hạ (12). Gần một chục năm sau, trong công trình *Cổ sử Việt Nam* (năm 1955), nhà sử học Đào Duy Anh, bằng nhiều cứ liệu lịch sử và địa - lịch sử, đã chứng minh thành Cao Lao Hạ ở Quảng Bình chính là thành Khu Túc xưa của Lâm Ấp (13). Cũng chính tác giả của công trình *Nước Lâm Ấp* còn nhớ rằng, thủ đô của Lâm Ấp khó có thể ở nơi khác ngoài miền Huế. Theo phân tích của Stein, chỉ từ khi Lâm Ấp và Chăm Pa hợp nhất (thế kỷ V) trở đi, thì thủ đô Lâm Ấp mới chuyển về Trà Kiệu (14). Các sử liệu cổ của Trung Quốc về nước Lâm Ấp có nói khá nhiều tới các địa điểm ở khu vực xung quanh Huế. Ví dụ, khi mô tả cuộc tiến quân của Đoàn Hoa Chi (năm 446) đến kinh đô Lâm Ấp, sách *Thủy Kinh chú* chép: "Thứ sử Giao Châu Đoàn Hoa Chi phá thành Khu Túc, quân của Đoàn Hoa Chi cò bay rợp bể, nhằm kéo tới Tương phố, vào vùng Bành Long, lên Quỷ Tháp cùng người Lâm Ấp đánh nhau, rồi thắng lợi tiến vào Champapura (15). Theo Stein, vùng Bành Long là phá Cầu Hai, còn Quỷ Tháp là vùng phụ cận Linh Thái (tháp Quy Sơn) hiện nay (16). Mà ở khu vực Huế, ngoài Thành Lôi, tháp Linh Thái, Cầu Hai

còn có cả một khu phế tích thành cổ lớn (thành Hoá Châu) của Chiêm Thành (17).

Như vậy, Thành Lôi cùng một số những di tích khác như thành Hoá Châu, tháp Linh Thái... tạo thành một quần thể di tích lớn của Chăm Pa thời cổ tại vùng phụ cận Huế.

Những di tích đã được biết phần nào chứng tỏ vùng đất Huế xưa kia từng là địa điểm rất quan trọng của nước Lâm Ấp. Và rất có thể, thủ đô của Lâm Ấp thời kỳ đầu (trước khi nhập với Chăm Pa) nằm tại khu

vực Huế. Và như chúng tôi đã phân tích, trong số các dấu tích thành hiện được biết ở Thừa Thiên Huế, thì Thành Lôi có vị trí chiến lược về quân sự và chính trị cũng như về đời sống tôn giáo hơn cả. Không phải ngẫu nhiên mà các vua triều Nguyễn lại có sự chú ý khá đặc biệt đến khu vực thành cổ này. Từ những phân tích và suy luận trên, chúng tôi nghĩ, Thành Lôi ở Huế có thể là thủ đô Champapura của nước Chăm Pa trước thế kỷ V.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí* (Bản dịch tiếng Việt). Tập I, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992, tr. 165.

(2), (3), (4). *Đại Nam nhất thống chí*. Tập I, sđd, tr. 135, 85, 72.

(5). Bửu Kế. *Nguyễn triều cổ sự - huyền thoại về danh lam xứ Huế*. Nxb. Đà Nẵng, 1996, tr. 129-132.

(6). Phan Thuận An. *Kiến trúc cổ đô Huế*. Huế, 1990 (Công ty Quản lý di tích lịch sử và văn hoá Huế xuất bản), tr. 113-118.

(7). Theo Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên). *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*. Nxb. Hội Nhà văn, 1992, tr. 26.

(8). Parmentier. H. *Inventaire Descriptif des Monuments Chams de L'Annam*, Paris, 1909, "Thành Chàm ở Huế", Planche CVI.

(9). Xem: Vũ Hữu Minh, Nguyễn Văn Kết. *Trở lại Thành Lôi ở Huế*. Trong "Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1989. Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1990, tr. 168-169.

(10). Nguyễn Phước Bảo Đàn. *Thành Hoá Châu trong lịch sử* (Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Sử học). Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Khoa Lịch sử, Huế, 1999.

(11). Arouseau. L. *Compte - Rendu de G. Maspero "Le Royaume de Champa"*, BÈFEO. XIV - 9 (1914), p. 8-43, Illustic.

(12). Stein. R. A. *Le Lin-Yi*, B, C.E.C. Pekin, Vol. II, fase, 1/3 (Pekin, 1947).

(13). Đào Duy Anh. *Cổ sử Việt Nam*. Hà Nội, 1955, tr. 168-177.

(14). Stein. R. A. *Le Lin-Yi*. Sdd, tr. 54, 197.

(15). G. Maspero, *The Champa Kingdom* (transcoted by walter E. J. Tips), white lotus Press, Bangkok, 2002, p. 40-41.

(16). Stein. R. A. *Le Lin-Yi*. Sdd, tr. 54, 197.

(17). Chúng tôi đã viết về toà thành này. Xem: Ngô Văn Doanh. *Thành Hoá Châu trong lịch sử Champa và Đại Việt*. Tập chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (310)-2000, tr. 36-41.